

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TỔ CHUYÊN MÔN NĂM
HỌC 2025-2026**

I. Đặc điểm tình hình

1. Khái quát tình hình giáo viên, học sinh.

- Số lượng giáo viên : 09
- + Đạt chuẩn đào tạo: 9/9 – Tỷ lệ: 100%
- + Nữ: 09- tỷ lệ: 100%

2. Thuận lợi

- Các giáo viên đạt chuẩn, có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tất cả giáo viên trong tổ đều:

- + Có phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống tốt;
- + Có tinh thần tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- + Cố gắng đổi mới PPDH nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

+ Giáo viên đã được tập huấn theo Chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT Đà Nẵng

3. Khó khăn

- Năm học 2025-2026 trường có 9 lớp 10, các em từ học sinh THCS lên nên một số em chưa ý thức việc học, còn ham chơi dẫn đến chất lượng còn thấp.

- Một số học sinh học còn yếu đòi hỏi phải tốn nhiều thời gian củng cố kiến thức cũ, có một số em không có động cơ học tập.

- Việc đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tính tích cực chủ động học tập của học sinh gặp trở ngại lớn do học sinh cấp dưới mất căn bản, việc tự học tập còn hạn chế ở một số khu vực vùng nông thôn còn nhiều khó khăn như hiện nay.

II. Tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ giáo dục:

1. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1.1 Công tác tập huấn, bồi dưỡng giảng dạy:

- Tất cả giáo viên đều tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên môn
- Tất cả giáo viên nắm vững nội dung tập huấn, kết quả tập huấn đạt yêu cầu đề ra.

1.2 Đánh giá về thiết bị dạy học và học liệu trong năm học 2025-2026:

- Kết quả đạt được:

+ Nhà trường đã trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị dạy học, đảm bảo mỗi phòng học đều có Tivi kết nối mạng Internet để phục vụ cho việc giảng dạy và hỗ trợ học tập. Học

liệu dạy học được cập nhật và bổ sung đều đặn, đảm bảo đa dạng và phong phú, từ sách giáo khoa đến tài liệu tham khảo và bài giảng điện tử.

- Hạn chế: Mặc dù có sự cải thiện, nhưng vẫn còn tồn tại do mạng Internet yếu dẫn đến nhiều bài dạy chưa sinh động...

1.3. Đánh giá việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học hiện có

- Tổ chuyên môn đã sử dụng thiết bị dạy học hiện có trong nhà trường thường xuyên và hiệu quả.

- Việc sử dụng thiết bị dạy học hiện đại đã góp phần đổi mới phương pháp dạy học, giúp tạo ra một môi trường học tập sáng tạo và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thiết bị dạy học không chỉ hỗ trợ việc truyền đạt kiến thức mà còn khuyến khích sự tò mò và sáng tạo của học sinh.

1.4. Đánh giá về chuyển đổi số trong dạy học:

- Kết quả đạt được:

Quá trình chuyển đổi số trong dạy học đã mang lại những kết quả tích cực, giúp nâng cao chất lượng dạy và học, tạo ra môi trường học tập hiện đại và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

2.1. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học: kết quả thực hiện; hạn chế, khó khăn, vướng mắc; giải pháp đã thực hiện.

2.1.1 Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học: tổ chuyên môn đã thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục môn học cho cả 3 khối theo hướng dẫn của Thông tư 5512: chương trình GDPT 2018.

2.1.2. Kết quả thực hiện chương trình môn học:

Tổ chuyên môn đã thực hiện kế hoạch giáo dục môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 một cách có hệ thống và khoa học. Các định hướng, mục tiêu giáo dục đã được nhất quán trong quá trình giảng dạy và học tập. Thực hiện đúng theo tiến độ chương trình, đầy đủ số tiết theo quy định.

2.1.3 Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

- Một số lớp học có số lượng học sinh đông, giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc tương tác cá nhân với từng học sinh để đáp ứng đủ nhu cầu học tập và phát triển cá nhân của từng học sinh.

- Việc đảm bảo kế hoạch giáo dục phù hợp với mọi học sinh trong lớp có thể là một thách thức, đặc biệt là khi giáo viên phải xử lý các lớp học có sự chênh lệch lớn về trình độ.

2.1.4 Giải pháp đã thực hiện:

- Sử dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt như phân nhóm, học tập hợp tác và sử dụng tài nguyên giáo dục đa dạng để đáp ứng nhu cầu học tập của từng học sinh.

- Sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả, tăng cường sự chuẩn bị trước để tận dụng thời gian truyền đạt kiến thức trong lớp học.

- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo nhu cầu thực tế của học sinh.

- Liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng thông qua các khóa đào tạo và hội thảo chuyên môn.

2.2. Các hoạt động môn học đã tổ chức, triển khai: *Kết quả thực hiện, hạn chế, khó khăn.*

2.2.1. Hoạt động ngoại khóa

+ Số ngoại khóa thực hiện: 01

Tổ chức ngoại khóa “**Sân khấu hoá tác phẩm văn học**” dành cho HS khối 10, các khối còn lại tham gia trả lời câu hỏi.

2.2.2. Công tác bồi dưỡng HS giỏi:

Tổ đã có kế hoạch cụ thể về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, thống nhất nội dung bồi dưỡng cho khối lớp 12.

Kết quả đạt được: Khối 12: đạt giải (1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải khuyến khích)

2.3. Công tác phụ đạo cho học sinh ôn thi tốt nghiệp THPT quốc gia

Tổ đã thảo luận nội dung ôn tập thi tốt nghiệp theo các chuyên đề ngay từ đầu năm học và bám sát nội dung đề thi minh họa của BGD để điều chỉnh nội dung ôn tập phù hợp với từng đối tượng học sinh, kết hợp thực hiện dạy ôn tập 12 theo kế hoạch nhà trường ở kì 2.

2.4. Thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018.

2.4.1 Thuận lợi

- Các tiêu chuẩn và yêu cầu trong chương trình đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả sự tiến bộ của học sinh.

2.4.2. Khó khăn:

- Giáo viên cần có sự cập nhật liên tục về các phương pháp giảng dạy và kiến thức chuyên môn để đảm bảo việc thực hiện

- Khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của học sinh và quản lý lớp học đông đúc.

3. Đổi mới phương pháp dạy học

3.1. Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn về đổi mới PPDH và tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn:

3.1.1. Kết quả thực hiện:

Tổ chuyên môn đã tổ chức các buổi sinh hoạt nhằm thảo luận và chia sẻ về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo hướng nghiên cứu bài học để nâng cao tiết dạy khó. Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn cũng giúp cả tổ chuyên môn tiếp cận các phương pháp và kinh nghiệm mới, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy.

3.1.2 Hạn chế, khó khăn:

- Đôi lúc giáo viên có thể cảm thấy thiếu tự tin trong việc áp dụng các phương pháp dạy học mới mà họ chưa quen thuộc.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện đổi mới các PPDH:

3.2.1. Kết quả đạt được:

- Thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học mới, chúng tôi đã quan sát thấy sự tiến bộ trong phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu hiện có

nhằm đảm bảo dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, khuyến khích tính tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh.

3.2.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

- Sự khó khăn trong việc thực hiện một số phương pháp dạy học mới, đặc biệt là đối với các giáo viên chưa quen thuộc các phương pháp.

- Còn một số học sinh có thể gặp khó khăn trong việc thích nghi với các phương pháp dạy học mới do yêu cầu cao và đòi hỏi sự chủ động cao từ phía học sinh.

3.2.3. Nguyên nhân và giải pháp đã thực hiện:

- Giáo viên tăng cường học hỏi từ đồng nghiệp về việc áp dụng các phương pháp dạy học mới.

4. Đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Quy chế đánh giá học sinh trung học ban hành tại Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT (sửa đổi, bổ sung Thông tư 58) và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT: Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định tại các Thông tư hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá. Thực hiện theo đúng qui định theo Thông tư số 26/BGDĐT gồm các cột kiểm tra thường xuyên.

- Việc xây dựng và sử dụng ngân hàng câu hỏi, bài tập phục vụ việc dạy học và kiểm tra đánh giá theo CT GDPT 2018: còn hạn chế và chưa phát huy hiệu quả cao.

5. Công tác quản lý tổ chuyên môn

5.1. Việc sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử:

5.1.1. Kết quả đạt được:

- Tổ chuyên môn đã triển khai sử dụng hồ sơ điện tử và sổ điểm điện tử theo kế hoạch của nhà trường một cách hiệu quả, giúp quản lý thông tin về học sinh và hoạt động dạy học một cách tổ chức và khoa học.

5.1.2. Hạn chế, khó khăn:

- Đôi lúc còn chậm trễ trong việc cập nhật thông tin lên hệ thống

5.1.3. Nguyên nhân:

- Còn chủ quan trong việc cập nhật thông tin

- Chưa tiếp cận kịp thời với công nghệ mới

5.1.4. Giải pháp đã thực hiện:

- Xây dựng quy trình và lịch trình cập nhật thông tin thường xuyên lên hệ thống.

- Trao đổi kiến thức về công nghệ mới

5.2. Sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học:

5.2.1. Số lần và nội dung thực hiện:

- Tổ chuyên môn đã tổ chức sinh hoạt dựa trên nghiên cứu bài học định kỳ, 02 lần /năm học theo nhu cầu cụ thể của từng giai đoạn học tập.

GV thực hiện tiết dạy nghiên cứu bài học:

- C Nguyễn Thị Nền(kì 1)

-C Đoàn Thị Bích Hà(kì 2)

5.2.2. Hạn chế, khó khăn:

- Đôi khi có khó khăn trong việc tìm kiếm và lựa chọn nội dung nghiên cứu phù hợp và thú vị cho tất cả các thành viên trong tổ chuyên môn.

5.3. Việc kiểm tra hồ sơ giáo viên trên hệ thống:

5.3.1. Số lần kiểm tra và kết quả kiểm tra:

- Hồ sơ giáo viên được kiểm tra định kỳ, thường là một lần mỗi tháng trong học kỳ hoặc theo yêu cầu cụ thể từ nhà trường.

- Kết quả kiểm tra thường đạt được hiệu quả, với các hồ sơ được cập nhật đầy đủ và chính xác.

5.3.2. Ưu điểm và hạn chế:

- Ưu điểm: Việc kiểm tra định kỳ được thực hiện thường xuyên, giúp đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin trong hồ sơ giáo viên.

- Hạn chế: Đôi lúc việc cập nhật hồ sơ lên hệ thống của giáo viên còn chậm trễ gây khó khăn cho công tác kiểm tra định kỳ.

6. Công tác kiểm tra nội bộ

6.1. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra:

- Tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ ngay từ đầu năm học. Kế hoạch kiểm tra thể hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra, đối tượng được kiểm tra, phạm vi và lịch trình chi tiết cho từng hoạt động kiểm tra.

- Kế hoạch kiểm tra đã được triển khai đến tất cả các thành viên trong tổ chuyên môn.

6.2. Kết quả đã đạt được:

- Tổng số giáo viên được kiểm tra HĐSP : 03

Tên giáo viên được kiểm tra:

1/Lê Thị Hiệp Xếp loại: Tốt

2/Nguyễn Thị Nên Xếp loại: Tốt

3/Đoàn Thị Bích Hà Xếp loại: Tốt

- Tổng số giáo viên được kiểm tra chuyên đề : 06

Tên giáo viên được kiểm tra:

1/Phạm Thị Hà Xếp loại: Tốt

2/Trần Thị Hoa Xếp loại: Tốt

3/Phạm Thị Bốn Xếp loại: Tốt

4/Lê Thị Hạnh Xếp loại: Tốt

5/Trần Hoa Phượng Xếp loại: Tốt

6/Đỗ Thị Thu Thủy Xếp loại: Tốt

6.3. Hạn chế, khó khăn:

- Việc thực hiện kiểm tra còn chậm so với kế hoạch.

- Gặp khó khăn về việc sắp xếp thời gian hợp lí để thực hiện công tác kiểm tra

6.4. Nguyên nhân:

6.5. Giải pháp đã thực hiện.

- Sắp xếp và bố trí thời gian để thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch.

7. Kết quả tham gia các kì thi, cuộc thi :

7.1. Đối với HS:

- Thi học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố: 1 nhất, 1 giải nhì, và 01 giải khuyến khích

7.2. Đối với GV:

- 6 GV tham gia cuộc thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường và đạt danh hiệu GVĐG cấp trường. (C Nguyễn Thị Nên, C Trần Thị Hoa, C Phạm Thị Bốn, C Lê Thị Hạnh, C Trần Hoa Phượng, C Đỗ Thị Thu Thủy)

-Viết Sáng kiến kinh nghiệm: 9/9 GV (chờ kết quả chấm sáng kiến từ Sở)

8. Kết quả chất lượng bộ môn:

8.1. Tổ chuyên môn:

Môn	Khối	HKI	HKII	CẢ NĂM	Ghi chú
Ngữ Văn	10	97,61%	97,87%	98,67%	
Ngữ Văn	11	97,48%	97,86%	99,22%	
Ngữ Văn	12	98,13%	99,79%	100%	
Ngữ Văn	Toàn trường	97,74%	98,54%	99,34%	

8.2. Cá nhân:

STT	Giáo viên	Số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN			9	0.66%	207	15.10%	521	38.00%	634	46.24%	1362	99.34%
1	Phạm Thị Bốn	171	2	1.17%	37	21.64%	86	50.29%	46	26.90%	169	98.83%
2	Phạm Thị Hà	157	0	0.00%	30	19.11%	46	29.30%	81	51.59%	157	100.00%
3	Đoàn Thị Bích Hà	156	0	0.00%	8	5.13%	66	42.31%	82	52.56%	156	100.00%
4	Lê Thị Hạnh	158	5	3.16%	35	22.15%	77	48.73%	41	25.95%	153	96.84%
5	Lê Thị Hiệp	130	0	0.00%	14	10.77%	51	39.23%	65	50.00%	130	100.00%
6	Trần Thị Hoa	172	0	0.00%	10	5.81%	44	25.58%	118	68.60%	172	100.00%
7	Nguyễn Thị Nên	122	0	0.00%	13	10.66%	46	37.70%	63	51.64%	122	100.00%
8	Trần Hoa Phượng	140	2	1.43%	34	24.29%	45	32.14%	59	42.14%	138	98.57%
9	Đỗ Thị Thu Thủy	123	0	0.00%	18	14.63%	52	42.28%	53	43.09%	123	100.00%

III. TỔNG HỢP XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025-2026

TT	HỌ VÀ TÊN	Năng lực giảng dạy	Chất lượng giảng dạy	Xếp loại VC	Xếp loại thi đua	Ghi chú
1	Trần Thị Hoa	Giỏi	Tốt	HTXS NV	CSTĐCS	
2	Nguyễn Thị Nên	Giỏi	Tốt	HTXS NV	CSTĐCS	

3	Trần Hoa Phượng	Giỏi	Tốt	HTTNV		
4	Lê Thị Hạnh	Giỏi	Tốt	HTTNV		
5	Phạm Thị Hà	Giỏi	Tốt	HTTNV		
6	Đoàn Thị Bích Hà	Giỏi	Tốt	HTTNV		
7	Lê Thị Hiệp	Giỏi	Tốt	HTTNV		
8	Phạm Thị Bốn	Giỏi	Tốt	HTTNV		
9	Đỗ Thị Thu Thủy	Giỏi	Tốt	HTTNV		

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

- Hoàn thành nội dung chương trình năm học đầy đủ, theo đúng tiến độ chương trình.
- Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn tại trường THPT Hoàng Hoa Thám.
- Thực hiện tốt nề nếp chuyên môn.
- Ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Việc soạn giảng: một số tiết chưa có phần điều chỉnh để phù hợp với đối tượng học sinh
- Tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học còn ít, việc triển khai áp dụng và kiểm tra sau chuyên đề còn hạn chế.
- Công tác dự giờ chưa thực hiện rộng khắp cả năm.
- Kiểm tra hồ sơ sổ sách đôi lúc còn mang tính hình thức.

3. Nguyên nhân

- Việc cập nhật hồ sơ của giáo viên chưa kịp thời.
- Chưa sắp xếp đủ thời gian để thực hiện nhiều hơn các chuyên đề dạy học

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với nhà trường:

- Những học sinh K 10, 11 chưa đạt xếp loại học lực, rèn luyện, nhà trường cần tổ chức kiểm tra, rèn luyện trong thời gian phù hợp.
- Tăng cường công tác quản lý việc học sinh tham gia học ôn thi tốt nghiệp thời gian cuối năm học .

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Không

Nơi nhận: **XÁC NHẬN CỦA BGH** Phú Thuận, ngày 18 tháng 05 năm 2026
- BGH (báo cáo); TL. HIỆU TRƯỞNG TTCM
- Lưu: Tổ CM. P. HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hà

